

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2021/DS-PT
Ngày 07-7- 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 130, Phan Đ, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: Số 161, đường 23/8, phường 7, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1981; Chức vụ: Phó Trưởng phòng phát triển kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh B.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thu T, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phòng Công chứng số 01 tỉnh C.

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đ, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Ngọc Tuyết L – Trưởng phòng (Vắng mặt).

2. Ông Châu Vĩnh T, sinh năm 1966 (Có mặt).

3. Bà L Diễm A (L Thị Diễm A), sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Châu Vĩnh T (Có mặt).

4. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

5. Ông Trần Minh H, sinh năm 1968 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

2. Bà Ngô Thị T (Vắng mặt).

3. Bà Trần Hoàng Hoa T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

4. Ông Trần Hoàng Gia H, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do người đại diện theo ủy quyền là Anh Đặng Quốc Toàn trình bày:

Bà Trần Thu T và ông Nguyễn Trọng H có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B (Gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 600.000.000 đồng theo hợp đồng số K0512/1 ngày 31/10/2005, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 84m² tọa lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, phường 5, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do UBND thành phố C cấp ngày 28/10/2005 do ông T và bà A đứng tên và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất diện tích 43,68m² tọa lạc tại Quốc lộ 1A, ấp 3, xã T, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526870 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông H và bà L vào ngày 28/10/2005. Khi bà T và ông H vay tiền, ông T và bà A đã ký hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T và bà A đứng tên, ông H và bà L đã ký Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 596/BL ngày 31/10/2005 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H và bà L đứng tên để đảm bảo khoản vay của bà T và ông H. Quá trình vay vốn, ông H và bà T đã trả được 160.000.000 đồng thì không tiếp tục trả. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà T trả các khoản vốn và lãi tính đến ngày 23/3/2021 như sau: Tiền vốn là 440.000.000 đồng; Tiền lãi

trong hạn 73.000.000 đồng; Tiền lãi quá hạn: 1.259.926.000 đồng; Tiền lãi chậm trả: 1.095.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.774.021.000 đồng và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/3/2021 theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng đến khi thi hành xong. Nếu bà T và ông H không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông H, bà L, ông T và bà A để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T và bà A về việc tuyên bố hợp đồng bảo lãnh số 597/BL ngày 31/10/2005 giữa ông T và bà A với ông H và bà T vô hiệu. Ngân hàng không đồng ý nên không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/10/2005 cho ông T và bà A.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh H trình bày: Ông H thừa nhận vào năm 2005 ông cùng với vợ ông là bà Nguyễn Kim L có ký hợp đồng bảo lãnh cho ông H, bà T vay tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh B số tiền 600.000.000 đồng, hình thức bảo lãnh là thế chấp phần đất diện tích 43,68m² tọa lạc tại Quốc lộ 1A, ấp 3, xã T, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526870 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông H và bà L vào ngày 28/10/2005. Do sau khi vay vốn bà T và ông H không có khả năng trả nợ nên ông H đồng ý số nợ vốn và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng yêu cầu được trả nợ thay cho ông H và bà T bằng hình thức trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng tính từ ngày 28/7/2013 đến khi trả hết nợ để Ngân hàng không xử lý tài sản thế chấp nhưng Ngân hàng không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Vĩnh T trình bày: Ông T và bà A không có mối quan hệ quen biết với ông H và bà T nên ông T không bảo lãnh cho ông H và bà T vay tiền tại Ngân hàng bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do ông T và bà A đứng tên với diện tích 84m² tọa lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, phường 5, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho ông T và bà A vào ngày 28/10/2005. Chữ ký và chữ viết thể hiện tại Hợp đồng bảo lãnh số 597/BL ngày 31/10/2005 không phải chữ ký, chữ viết của ông T và bà A. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông là do ông H lấy để làm hợp đồng bảo lãnh cho ông H và bà T vay tiền là có giả mạo tại thời điểm công chứng. Vì vậy ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng bảo lãnh số 597/BL ngày 31/10/2005 vô hiệu, buộc Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/10/2005 cho ông T và bà A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Phòng Công chứng số 1 tỉnh Cà Mau trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ thể hiện, ngày 31/10/2005 Phòng Công chứng số 1 tỉnh C có công chứng Hợp đồng bảo lãnh số 597/BL là đúng theo quy định của pháp luật nên được thực hiện theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2013/DS-ST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Buộc ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B số tiền 1.147.243.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu thanh lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông H và bà L và quyền sử dụng đất của ông T và bà A.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T và bà A yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết Châu Vĩnh T trên đơn đăng ký bảo lãnh quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh. Tại kết luận giám định số 110/GĐ-2018 ngày 11/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ ký và chữ viết tên Châu Vĩnh T trên đơn yêu cầu bảo lãnh và hợp đồng bảo lãnh so với chữ ký và chữ viết trên mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

Tại Quyết định tái thẩm số 19/2020/DS-TT ngày 13/01/2020 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 109/2013/DS-ST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ các khoản tiền vốn và lãi tính đến ngày 23/3/2021 là 1.774.021.000 đồng và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/3/2021 theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng đến khi thi hành xong.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ gốc và lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất số AD 526870 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005 diện tích 43,68m² tọa lạc tại ấp 3, xã T, thành phố C do ông H và bà L đứng tên quyền sử dụng, theo Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 596/BL ngày 31/10/2005.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005 diện tích 84m² tọa lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, phường 5, thành phố C do ông T và bà A đứng tên quyền sử dụng, theo Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Châu Vĩnh T.

Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005 vô hiệu.

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trả lại cho ông T và bà A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/10/2005 do ông T và bà A đứng tên quyền sử dụng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/4/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông T và bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005 đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 84m² tọa lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, phường 5, thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do UBND thành phố C cấp ngày 28/10/2005 cho ông T và bà A, nhưng hợp đồng bảo lãnh ông T và bà A đều không thừa nhận có ký tên. Theo Kết luận giám định số 110/GĐ-2018 ngày 11/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận chữ ký và chữ viết tên Châu Vĩnh T và L Diễm A tại Hợp đồng bảo lãnh số 597/BL ngày 31/10/2005 và Đơn đăng ký bảo lãnh so với chữ ký và chữ viết mẫu là không phải do cùng một người ký và viết ra. Như vậy việc ông T và bà A cho rằng không ký Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005 để bảo lãnh cho ông H và bà T vay tiền là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng thừa nhận kết quả giám định tại Kết luận giám định số 110/GĐ-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C và không có khiếu nại, nhưng cho rằng hợp đồng bảo lãnh do ông T và bà A ký tên đã được công chứng nên có giá trị thực hiện. Xét thấy, ông Trần Minh H là người yêu cầu ông Lê Văn T – nguyên là công chứng viên Phòng Công chứng số 01 đã ký công chứng hợp đồng bảo lãnh số 597/BL ngày 31/10/2005 nhưng chữ ký tên trong hợp đồng bảo lãnh được giám định không phải chữ ký và chữ viết của ông T và bà A. Tuy nhiên hiện nay ông H là người yêu cầu công chứng và ông Hà Ngọc P là người giúp việc cho ông T đều đã qua đời nên Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ để xác định ông Lê Văn T thực hiện hành vi giả mạo trong công tác do động cơ, mục đích gì do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra đối với Lê Văn T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng.

[3] Đối với ông Trần Minh H đã qua đời vào ngày 12/4/2014, mẹ ông H là bà Ngô Thị T và vợ của ông H là bà Nguyễn Kim L cùng các con của ông H là chị Trần Hoàng Hoa T và anh Trần Hoàng Gia H là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H không có yêu cầu gì đối với việc xử L tài sản thế chấp của ông H và bà L nên không xem xét.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 23/3/2021 là 1.774.021.000 đồng và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/3/2021 theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng đến khi thi hành xong.

Kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2021 ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn vay. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T không thanh toán dứt nợ gốc và lãi của số tiền vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

phát mãi tài sản theo Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 596/BL ngày 31/10/2005 là nhà, đất tọa lạc tại ấp 3, xã T, thành phố C, tỉnh C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526870 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005 diện tích 43,68m² do ông Trần Minh H và bà Nguyễn Kim L đứng tên.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về việc được quyền xử L tài sản là quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28 tháng 10 năm 2005 diện tích 84m² tọa lạc tại đường Phạm Ngũ Lão, phường 5, thành phố C do ông Châu Vĩnh T và bà L Diễm A đứng tên quyền sử dụng, theo Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Châu Vĩnh T và bà L Diễm A.

Tuyên bố Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 597/BL ngày 31/10/2005 vô hiệu.

Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trả lại cho ông Châu Vĩnh T và bà L Diễm A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 526876 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 28/10/2005 do ông Châu Vĩnh T và bà L Diễm A đứng tên quyền sử dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thu T phải nộp là 65.220.000 đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải nộp 300.000 đồng, ngày 28/4/2020 Ngân hàng đã dự nộp số tiền 31.511.000 đồng theo biên lai thu số 0001703 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được đối trừ và Ngân hàng được nhận lại 31.211.000 đồng.

- Ông Châu Vĩnh T và bà L Diễm A không phải chịu án phí, ngày 09/7/2020 ông T và bà A đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002128 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/4/2021 Ngân hàng đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000549 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi Cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TADTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan